BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **18**/2018/TT-BTNMT	
	Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2018

THÔNG TƯ
Quy định về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Căn cứ Nghị định 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp và đơn vị quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng quản lý).

Thông tư này không áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, phục vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương II
THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 3. Hồ sơ thành lập

1. Hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập gồm:

a) Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý;

b) Đề án thành lập Hội đồng quản lý;

c) Dự thảo quyết định thành lập;

d) Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

đ) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan;

e) Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

2. Đề án thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập do đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, gồm các nội dung chính sau:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;

b) Vị trí, chức năng;

c) Nhiệm vụ và quyền hạn;

d) Cơ cấu tổ chức;

đ) Dự kiến phương án nhân sự của Hội đồng quản lý;

e) Kiến nghị của cơ quan xây dựng đề án thành lập Hội đồng quản lý (nếu có);

g) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Trình tự thành lập

1. Đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư này lập hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 Thông tư này quyết định thành lập Hội đồng quản lý.

2. Thẩm định thành lập Hội đồng quản lý

a) Cơ quan chuyên môn tham mưu về lĩnh vực tổ chức cán bộ của Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Bộ, cơ quan ngang Bộ) có trách nhiệm thẩm định đối với việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ;

b) Cơ quan chuyên môn tham mưu về lĩnh vực tổ chức cán bộ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có trách nhiệm thẩm định đối với việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.

c) Cơ quan thẩm định quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này tiến hành thẩm định các nội dung về sự cần thiết, số lượng, cơ cấu, thành phần, tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản lý; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và các nội dung khác có liên quan.

3. Căn cứ quy định hiện hành và hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng quản lý, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thành lập

1. Người đứng đầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.

Chương III
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 6. Vị trí và chức năng

1. Hội đồng quản lý là đại diện của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Hội đồng quản lý quyết định về chủ trương, phương hướng, kế hoạch hoạt động, tài chính và công tác nhân sự; kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Quyết định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn và hằng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quyết định chủ trương về xây dựng tổ chức bộ máy; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động; tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, huy động các nguồn lực cần thiết để phát triển hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Quyết định về định hướng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển khoa học công nghệ của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính sách đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Định kỳ hoặc đột xuất yêu cầu người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Thông qua việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị cấu thành của đơn vị sự nghiệp công lập; danh mục vị trí việc làm và số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công trước khi người đứng đầu đơn vị sự nghiệp phê duyệt theo thẩm quyền.

10. Thông qua kế hoạch tài chính, mức phí của các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; các chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và báo cáo quyết toán tài chính hằng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.

11. Quyết định các vấn đề khác của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Số lượng, cơ cấu và thành phần Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý có số lượng thành viên từ 05 đến 11 người, tổng số thành viên phải là số lẻ, gồm Chủ tịch và các thành viên khác.

2. Thành phần Hội đồng quản lý gồm có:

a) Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập gồm đại diện của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có);

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể và một số tổ chức trực thuộc của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 9. Cơ chế hoạt động

1. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản lý:

a) Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, công khai, dân chủ, tôn trọng ý kiến các thành viên, quyết định theo đa số bằng hình thức bỏ phiếu kín;

b) Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng thẩm quyền;

c) Văn bản do Chủ tịch Hội đồng quản lý ký, ban hành sử dụng con dấu của đơn vị sự nghiệp công lập và được lưu trữ theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự.

3. Thành viên Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng chế độ phụ cấp và chế độ khác theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý, chế độ phụ cấp và chế độ khác (nếu có) cho các thành viên Hội đồng quản lý được tính trong chi phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

4. Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 10. Quan hệ công tác

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị các nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các cuộc họp, phiên họp Hội đồng quản lý.

2. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên:

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đối với cơ quan quản lý cấp trên;

c) Cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm giải quyết hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

3. Quan hệ công tác của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 11. Quy chế hoạt động

1. Hội đồng quản lý làm việc theo Quy chế hoạt động được cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

2. Đề cương Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Chương IV
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CHỦ TỊCH VÀ CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Tổ chức việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả quản lý điều hành của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Điều hành Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Thông tư này.

3. Lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý.

4. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động hằng quý và hằng năm của Hội đồng quản lý.

5. Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý.

6. Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản lý hoặc quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

1. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý và của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đề xuất với Hội đồng quản lý nội dung và các vấn đề cần thảo luận tại cuộc họp Hội đồng quản lý.

3. Góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

4. Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

Điều 14. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Là công chức hoặc viên chức, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc;

c) Không trong thời gian thi hành kỷ luật;

d) Có trình độ từ đại học trở lên;

đ) Có kinh nghiệm từ 03 năm trở lên trong công tác quản lý, công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

e) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị sự nghiệp công lập;

g) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này và là đại diện cơ quan cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 15. Bổ nhiệm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý quy định tại Điều 5 Thông tư này quyết định bổ nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý là 05 (năm) năm.

3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Miễn nhiệm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản lý

1. Miễn nhiệm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản lý nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia Hội đồng quản lý;

b) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc để điều trị bệnh quá 06 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục;

d) Bị Tòa án kết tội bằng bản án có hiệu lực của pháp luật;

đ) Có trên 50% tổng số thành viên của Hội đồng quản lý kiến nghị bằng văn bản đề nghị miễn nhiệm;

e) Mắc các vi phạm khác đã quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý;

g) Các trường hợp khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản lý.

2. Hội đồng quản lý có trách nhiệm xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng và gửi hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định. Hồ sơ gồm có: Tờ trình nêu rõ lý do miễn nhiệm và các văn bản, tài liệu có liên quan.

3. Cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý xem xét, quyết định miễn nhiệm.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2018.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ TN&MT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL(Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT;
- Báo Tài nguyên và Môi trường, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, TCCB, PC.NQ

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục

ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18 /2018/TT-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dung

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý

Điều 3. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý

Điều 4. Chủ tịch Hội đồng quản lý

Điều 5. Thư ký Hội đồng quản lý

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý

Điều 7. Thủ tục giới thiệu thành viên Hội đồng quản lý và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản lý nhiệm kỳ tiếp theo

Điều 8. Khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác Hội đồng quản lý

Chương II
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 9. Nguyên tắc chung

Điều 10. Chế độ làm việc, chế độ họp của Hội đồng quản lý

Điều 11. Quyết nghị của Hội đồng quản lý

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo của Hội đồng quản lý

Điều 13. Quản lý văn bản, tài liệu của Hội đồng quản lý

Điều 14. Cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý

Chương III
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 15. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và Đảng ủy đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 16. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 17. Quan hệ giữa Hội đồng quản lý và các đơn vị, tổ chức đoàn thể của đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 18. Điều khoản thi hành